

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Ông Lê Văn Thương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ ngày 18-12-2023, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-6-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm F, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lại Minh H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B, Khóm B, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; hiện đang chấp hành án tại Trại giam P2 – Cục C - Bộ C1 – xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:* Bà Phùng Thị Ngọc T, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09-11-2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Lại Minh H cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trước khi cưới nhau, bà có nhà riêng tại Khóm F, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, ông H ở Khóm B, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới thì nhà ai nấy ở, thi thoảng ông H mới về sống chung với bà. Ông H thường xuyên rượu chè nên cưới nhau lâu năm nhưng bà không dám sinh con. Đầu năm 2005, bà có khuyên ông H bỏ rượu để phụ gánh vác chuyện gia đình, ông đồng ý nên bà quyết định sinh con. Tuy nhiên, sau khi bà mang thai, ông H vẫn thường xuyên để bà ở nhà và đi uống rượu, không quan tâm đến bà.

Tháng 10 năm 2005, ông H đi uống rượu và gây án Ngày 31-01-2006, Tòa án xét xử và phạt ông Hoàng á tù H chung thân. Đến ngày 30-4-2006. ông H được chuyển đến chấp hành án Trại giam P2. Sau đó, bà và người thân của ông H có mâu thuẫn, khi thăm ông H bà có kể lại mọi chuyện cho ông H nghe, ông H bảo bà nhin và nói những lời gây tổn thương bà; mỗi khi ông H gọi điện về đều gây áp lực cho bà. Bà không thể tiếp tục chịu đựng nêu yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H1 01 con chung tên Lại Hoàng O sinh ngày 17-5-2006, hiện bà đang nuôi. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng cho con: Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 19-3-2024, bị đơn ông Lại Minh H trình bày :

Đối với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung là Lại Hoàng O, sinh ngày 17-5-2006 cho bà M nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng cho con: Ông không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: nợ chung: không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19-3-2024, người làm chứng bà Phùng Thị Ngọc H2 trình bày:

Bà là đồng nghiệp của bà Nguyễn Thị M, hiện đang công tác tại Bệnh viện sản nhi tỉnh T. Bà và bà M thân thiết với nhau gần 10 năm nay, bà thấy bà M thui thui một mình nuôi dạy con. Bên gia đình chồng thì không ai giúp đỡ mà còn đàn áp đủ điều, không muốn mẹ con bà M ở lại căn nhà của bên chồng, nhiều lần gửi đơn ra phường yêu cầu bà M ra khỏi nhà. Ông H cũng có gọi điện và viết thư gửi về nhưng không can ngăn. Theo bà, giữa bà M và ông H không thể hàn gắn được.

Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục vi phạm về tố tụng. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn ông Lại Minh H hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam M1 - Cục C - Bộ C1 – xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bị đơn ông Lại Minh H: Bà M, ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà M, ông H.

[3]. Về nội dung: Xét hôn nhân giữa bà M, ông H là hôn nhân hợp pháp, ông bà kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 06-8-2002 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3-2020 thì anh P bị bắt do vi phạm pháp luật và vợ chồng sống ly thân đến nay. Theo chị N trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh P có quan hệ không rõ ràng với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị N yêu cầu ly hôn với anh P; anh P trình bày từ khi anh chấp hành án đến nay chị N không lần nào đến thăm anh, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được và cũng đồng ý ly hôn.

[4]. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[5]. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Hải Đ, sinh ngày 27-02-2020, hiện chị N đang nuôi. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi con.

Xét từ ngày chị N và anh P sống ly thân, cháu Đ sống với chị N được chị chăm sóc chu đáo, cháu đã có cuộc sống ổn định bên chị N, nên việc chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về cấp dưỡng cho con: Chị Như không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử không xem xét

[7]. Về tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung; anh P trình bày không tranh chấp về tài sản chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về nợ chung: Chị N, anh P trình bày anh chị không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Xét ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huỳnh N1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P1

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N1 được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Nhật Hải Đ, sinh ngày 27-02-2020, hiện chị đang nuôi.

Anh Nguyễn Thanh P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N1 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012030 ngày 04-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị N1, anh P1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + ND: (01);
- + BD: (01);
- TAND tỉnh Tiền Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- UBND xã T, huyện M,
tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, AV.

Mai Thanh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

